

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2011/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2011

THÔNG TƯ

Quy định về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng cần được bảo vệ, phục hồi và phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 82/2008/QĐ-BNN ngày 17/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Nghị định số 75/2009/NĐ-CP của Chính phủ về việc sửa đổi điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản,

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định tại phần II Danh sách các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng ở Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 82/2008/QĐ-BNN ngày 17 tháng 7 năm 2008 như sau:

1. Bổ sung vào danh sách các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng ở Việt Nam (Phụ lục 1).
2. Sửa đổi tên Việt Nam, tên Khoa học của các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng ở Việt Nam (Phụ lục 2).
3. Sửa đổi mức độ nguy cấp của các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng ở Việt Nam (Phụ lục 3).
4. Loại bỏ khỏi danh sách các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng ở Việt Nam (Phụ lục 4).

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực sau bốn mươi lăm ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương, các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan có trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Vũ Văn Tám

Phụ lục 1**BỔ SUNG VÀO DANH SÁCH CÁC LOÀI THỦY SINH QUÝ HIẾM
CÓ NGUY CƠ TUYỆT CHỦNG Ở VIỆT NAM**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2011/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 01 năm 2011
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Bảng 1. Các loài đã tuyệt chủng ngoài thiên nhiên (EW)

STT	Tên Việt Nam	Tên Khoa học	Vùng phân bố tự nhiên
	CÁ		
	Bộ cá chép	Cypriniformes	
	Họ cá chép	Cyprinidae	
1	Cá mè huế	<i>Chanodichthys flavpinnis</i>	Thừa Thiên Huế

Bảng 2. Các loài có nguy cơ tuyệt chủng cực kỳ lớn (CR)

STT	Tên Việt Nam	Tên Khoa học	Vùng phân bố tự nhiên
	CÁ		
	Bộ cá nheo	Siluriformes	
	Họ Clariidae	Clariidae	
1	Cá trê trắng	<i>Clarias batrachus</i>	Đồng bằng Nam Bộ
	Họ cá nheo	Siluridae	
2	Cá chẹn bầu	<i>Ompok bimaculatus</i>	Đồng bằng Nam Bộ
	SAN HÔ		
3	Bộ san hô đen	Antipatharia	Vùng biển xa bờ các đảo: Ba Mùn, Côn Cỏ, Phú Quốc, Phú Quý

Bảng 3. Các loài có nguy cơ tuyệt chủng rất lớn (EN)

STT	Tên Việt Nam	Tên Khoa học	Vùng phân bố tự nhiên
	CÁ		
	Bộ cá chép	Cypriniformes	
	Họ cá chép	Cyprinidae	

STT	Tên Việt Nam	Tên Khoa học	Vùng phân bố tự nhiên
1	Cá dày	<i>Channa lucius</i>	Đồng bằng sông Cửu Long
2	Cá học trò	<i>Balantiocheilos ambusticauda</i>	Đồng bằng sông Cửu Long
	Bộ cá nheo	Siluriformes	
	Họ Clariidae	Clariidae	
3	Cá trê	<i>Clarias nieuhofii</i>	Đồng bằng sông Cửu Long
4	Cá trê tối	<i>Clarias meladerma</i>	Đồng bằng sông Cửu Long
	Bộ cá mập	Carcharhiniformes	
	Họ cá mập	Carcharhinidae	
5	Cá mập đầu bạc	<i>Carcharhinus albimarginatus</i>	Vùng biển xa bờ
6	Cá mập đốm đen đỉnh đuôi	<i>Carcharhinus melanopterus</i>	Vịnh Bắc Bộ và vùng biển xa bờ
	Bộ cá đuối	Rajiformes	
	Họ cá đuối ó	Myliobatidae	
7	Cá đuối ó không chấm	<i>Aetobatus flagellum</i>	Vịnh Bắc Bộ, vùng biển miền Trung và Đông Nam Bộ
8	Cá đuối ó không gai	<i>Aetobatus nichofii</i>	Vịnh Bắc Bộ, vùng biển miền Trung và Đông Nam Bộ
	Họ cá đuối quạt	Rajidae	
9	Cá đuối quạt	<i>Okamejei kenojei</i>	Vịnh Bắc Bộ, vùng biển miền Trung và Đông Nam Bộ
	Họ cá đuối bướm	Gymnuridae	
10	Cá đuối bướm nhật bản	<i>Gymnura japonica</i>	Vịnh Bắc Bộ và vùng biển miền Trung
11	Cá đuối bướm hoa	<i>Gymnura poecilura</i>	Vịnh Bắc Bộ, vùng biển miền Trung và Đông Nam Bộ

STT	Tên Việt Nam	Tên Khoa học	Vùng phân bố tự nhiên
	Bộ cá trích	Clupeiformes	
	Họ Engraulidae	Engraulidae	
12	Cá lẹp hàm dài	<i>Thrissa setirostris</i>	Vùng ven biển Đông Nam Bộ
13	Cá lẹp hai quai	<i>Thrissa mystax schneider</i>	Vùng ven biển Đông Nam Bộ
14	Cá lẹp vàng vây ngực dài	<i>Setipinna taty</i>	Vùng ven biển Đông Nam Bộ
	Bộ cá vược	Perciformes	
	Họ cá mú	Serranidae	
15	Cá mú đẹt	<i>Cromileptes altivelis</i>	Vùng biển Nha Trang, Khánh Hòa
	Họ cá bàng chài	Labridae	
16	Cá bàng chài vân sồng	<i>Cheilinus undulatus</i>	Vùng biển Nha Trang, Trường Sa, Côn Đảo
	Họ cá mó	Scaridae	
17	Cá mó đầu u	<i>Bolbometopon muricatum</i>	Côn Đảo, Phú Quốc

Bảng 4. Các loài có nguy cơ tuyệt chủng lớn (VU)

STT	Tên Việt Nam	Tên Khoa học	Vùng phân bố tự nhiên
	CÁ		
	Bộ cá chép	Cypriniformes	
	Họ cá chép	Cyprinidae	
1	Cá bống	<i>Spinibarbus denticulatus</i>	Trung và thượng lưu các sông lớn ở các tỉnh phía Bắc như sông Hồng (Yên Bái trở lên), sông Lam (Son Cuông, của Rào), sông Thu Bồn, sông Trà Khúc (Nam Trung Bộ)

STT	Tên Việt Nam	Tên Khoa học	Vùng phân bố tự nhiên
2	Cá cày	<i>Paraspinibarbus macracanthus</i>	Các sông ở các tỉnh phía Bắc
3	Cá ngựa nam	<i>Hampala macrolepidota</i>	Đồng bằng sông Cửu Long
4	Cá dộc	<i>Spinibarbichthys denticulatus</i>	Thanh Hóa
5	Cá vền	<i>Megalobrama terminalis</i>	Trung và hạ lưu các sông thuộc hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình; sông Lam, sông Thu Bồn
	Họ Gyриноcheilidae	Gyриноcheilidae	
6	Cá mây đá	<i>Gyриноcheilus pennocki</i>	Đồng bằng sông Cửu Long
	Bộ cá nheo	Siluriformes	
	Họ cá chiên	Sisoridae	
7	Cá chiên bạc	<i>Bagarius yarrelli</i>	Đồng bằng sông Cửu Long
	Họ cá lăng	Bagridae	
8	Cá lăng đỏ	<i>Hemibagrus wyckioides</i>	Đồng bằng sông Cửu Long
9	Cá chốt cờ	<i>Heterobagrus bocourti</i>	Đồng bằng sông Cửu Long
	Bộ cá mập	Carcharhiniformes	
	Họ cá mập	Carcharhinidae	
10	Cá mập hiền	<i>Carcharhinus amblyrhynchoides</i>	Vùng biển xa bờ
	Bộ cá đuối	Rajiformes	
	Họ cá đuối bướm	Gymnuridae	
11	Cá đuối bướm 2 chấm	<i>Gymnura bimaculata</i>	Vịnh Bắc Bộ
	Họ cá đuối bông	Dasyatidae	

STT	Tên Việt Nam	Tên Khoa học	Vùng phân bố tự nhiên
12	Cá đuối bông lồi	<i>Dasyatis bennetti</i>	Vùng biển miền Trung và Đông Nam Bộ và vùng biển xa bờ
	Họ cá giống	Rhinobatidae	
13	Cá đuối đĩa 2 hàng gai	<i>Platyrrhina limboonkengi</i>	Vịnh Bắc Bộ, vùng biển miền Trung và Đông Nam Bộ
14	Cá đuối đĩa trung hoa	<i>Platyrrhina sinensis</i>	Vịnh Bắc Bộ, vùng biển miền Trung và Đông Nam Bộ
	Bộ cá nhám	Lamniformes	
	Họ cá nhám thu	Lamnidae	
15	Cá mập trắng lớn	<i>Carcharodon carcharias</i>	Vùng biển xa bờ
	Họ Pseudocarchariidae	Pseudocarchariidae	
16	Cá nhám thu/cá mập sâu	<i>Pseudocarcharias kamoharai</i>	Vùng biển xa bờ
	THÂN MỀM		
	Bộ mực ống	Teuthidea	
	Họ mực ống	Loliginidae	
17	Mực lá	<i>Sepioteuthis lessoniana</i>	Vùng biển ven bờ từ vịnh Bắc Bộ đến Tây Nam Bộ
	Bộ Sipunculiformes	Sipunculiformes	
	Họ Sipunculide	Sipunculide	
18	Sá sùng	<i>Sipunculus nudus</i>	Hải Phòng, Quảng Ninh
	SAN HỒ		
19	San hô gai	<i>Anthipathes spp.</i>	Ven đảo
20	San hô roi	<i>Cirripathes sp</i>	Ven đảo

095.73923

Phụ lục 2**SỬA ĐỔI TÊN VIỆT NAM, TÊN KHOA HỌC CỦA CÁC LOÀI THỦY SINH QUÝ HIẾM CÓ NGUY CƠ TUYỆT CHỦNG Ở VIỆT NAM**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2011/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Bảng 2. Các loài có nguy cơ tuyệt chủng cực kỳ lớn (CR)

STT	Tên Việt Nam	Tên Khoa học
	THÂN MỀM	
1	Bộ chân bụng cỏ	Vetigastropoda (tên cũ: Archaeogastropoda)
	Họ ốc đụn	Trochidae
2	Ốc đụn cái	<i>Tectus niloticus</i> (tên cũ: <i>Trochus niloticus</i>)
3	Họ ốc tù và	Ranellidae (tên cũ: Cymatidae)

Bảng 3. Các loài có nguy cơ tuyệt chủng rất lớn (EN)

STT	Tên Việt Nam	Tên Khoa học
	THÂN MỀM	
1	Bộ chân bụng cỏ	Vetigastropoda (tên cũ: Archaeogastropoda)

Bảng 4. Các loài có nguy cơ tuyệt chủng lớn (VU)

STT	Tên Việt Nam	Tên Khoa học
	THÂN MỀM	
1	Bộ chân bụng cỏ	Vetigastropoda (tên cũ: Archaeogastropoda)
2	Họ ốc tù và	Ranellidae (tên cũ: Cymatidae)
	CÁ	
	Bộ cá chép	Cypriniformes
	Họ Gyrinocheilidae	Gyrinocheilidae

STT	Tên Việt Nam	Tên Khoa học
3	Cá duồng bay (tên cũ: Cá Duồng xanh)	<i>Cosmochilus harmandi</i>
4	Cá chày đất	<i>Spinibarbus hollandi</i> (tên cũ: <i>Spinibarbus caldwelli</i>)
	Bộ cá vược	Perciformes
	Họ cá hường	Coiidae
5	Cá thái hồ (tên cũ: cá hường)	<i>Datnioides pulcher</i> (tên cũ: <i>Coius microlepis</i>)
6	Cá hường vện	<i>Datnioides quadrifasciatus</i> (tên cũ: <i>Coius quadrifasciatus</i>)

Phụ lục 3**SỬA ĐỔI MỨC ĐỘ NGUY CẤP CỦA CÁC LOÀI THỦY SINH QUÝ HIẾM
CÓ NGUY CƠ TUYỆT CHỦNG Ở VIỆT NAM**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2011/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 01 năm 2011
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Bảng 1. Các loài đã tuyệt chủng ngoài thiên nhiên (EW)

STT	Tên Việt Nam	Tên Khoa học	Ghi chú
	CÁ		
	Bộ cá thát lát	Osteoglossiformes	
	Họ cá mon	Osteoglossidae	
1	Cá mon/cá rồng	<i>Scleropages formosus</i>	mức cũ: EN

Bảng 2. Các loài có nguy cơ tuyệt chủng cực kỳ lớn (CR)

STT	Tên Việt Nam	Tên Khoa học	Ghi chú
	CÁ		
	Bộ cá vược	Perciformes	
	Họ cá đù	Sciaenidae	
1	Cá đù/Cá sù giấy	<i>Otolithoides biauratus</i>	mức cũ: VU
	THÂN MỀM		
	Bộ ngao	Veneroida	
	Họ trai tai tượng	Tridacnidae	
2	Trai tai tượng khổng lồ	<i>Tridacna gigas</i>	mức cũ: EN

Bảng 3. Các loài có nguy cơ tuyệt chủng rất lớn (EN)

STT	Tên Việt Nam	Tên Khoa học	Mức độ nguy cấp
	CÁ		
	Bộ cá chép	Cypriniformes	
	Họ cá chép	Cyprinidae	
1	Cá trà sóc	<i>Probarbus jullieni</i>	mức cũ VU

STT	Tên Việt Nam	Tên Khoa học	Mức độ nguy cấp
	Bộ cá nheo	Siluriformes	
	Họ cá tra	Pangasiidae	
2	Cá tra dầu	<i>Pangasianodon gigas</i>	mức cũ VU
	Bộ cá thát lát	Osteoglossiformes	
	Họ cá thát lát	Notopteridae	
3	Cá còm	<i>Chitala ornata</i>	mức cũ VU
	DA GAI		
	Bộ cầu gai	Echinoida	
	Họ cầu gai	Echinometridae	
4	Cầu gai đá	<i>Heterocentrotus mammillatus</i>	(Mức cũ VU

Bảng 4. Các loài có nguy cơ tuyệt chủng lớn (VU)

STT	Tên Việt Nam	Tên Khoa học	Mức độ nguy cấp
	CÁ		
	Bộ cá trích	Clupeiformes	
	Họ cá trích	Clupeidae	
1	Cá mè cò hoa (Cá mè cò)	<i>Clupanodon thrissa</i>	mức cũ EN
	Bộ cá vược	Perciformes	
	Họ cá bống đen	Eleotridae	
2	Cá bống bóp	<i>Bostrichthys sinensis</i>	mức cũ CR
	THÂN MỀM		
	Bộ vẹm	Mytiloida	
	Họ bàn mai	Pinnidae	
3	Trai bàn mai	<i>Atrina vexillum</i>	mức cũ EN
	Bộ ngao	Veneroida	
	Họ vọp	Mactridae	
4	Tu hài	<i>Lutraria rhynchaena</i>	mức cũ EN

Phụ lục 4**LOẠI BỎ KHỎI DANH SÁCH CÁC LOÀI THỦY SINH QUÝ HIẾM
CÓ NGUY CƠ TUYỆT CHỦNG Ở VIỆT NAM**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2011/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 01 năm 2011
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Bảng 4. Các loài có nguy cơ tuyệt chủng lớn (VU)

STT	Tên Việt Nam	Tên Khoa học
	CÁ	
	Bộ cá chép	Cypriniformes
1	Cá ét mọi	<i>Morulus chrysophekadion</i>
2	Cá đuông bay	<i>Cirrinus microlepis</i>
	Bộ cá vược	Perciformes
	Họ cá mang rô	Toxotidae
3	Cá mang rô	<i>Toxotes chatareus</i>
4	Cá lóc bông	<i>Ophiocephalus micopeltes</i>
	Họ cá bàng chài	Labridae
5	Cá bàng chài axin	<i>Bodianus axillaris</i>
6	Cá bàng chài đầu đen	<i>Thalassoma lunare</i>
	THÂN MỀM	
	Bộ vẹm	Mytiloidea
	Họ bàn mai	Pinnidae
7	Vẹm xanh	<i>Perna viridis</i>

0957-3923